

Số: /NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng năm

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đối với hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... của UBND tỉnh Hải Dương đề nghị ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đối với hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đối với hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều:

3.1. Nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều:

- a. Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê;
- b. Sửa chữa gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- c. Sửa chữa, phát quang và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè ;
- d. Đắp đất, trồng, chăm sóc cây chắn sóng;
- đ. Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê;
- e. Kiểm tra, đánh giá chất lượng cống dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của cống dưới đê;
- g. Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè;
- h. Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; Hạt Quản lý đê, kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ;
- i. Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giảm áp; điểm canh đê;
- k. Bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão liên quan đến đê điều;
- l. Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão;
- m. Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định của Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

3.2. Nội dung, nhiệm vụ chi xử lý cấp bách sự cố đê điều:

- a. Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè;
- b. Xử lý nứt đê;
- c. Xử lý sập tổ mối trên đê;
- d. Xử lý sụt, lún thân đê;
- đ. Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều;
- e. Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê;
- g. Xử lý lỗ sủi, mạch sủi, bãi sủi, mạch đùn, bực đất, giếng phụt;

h. Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đê;

i. Xử lý các sự cố hư hỏng cống qua đê;

k. Hàn khâu đê;

1. Xử lý giếng giảm áp làm việc không bình thường: nước từ trong giếng, khu vực cát thấm lọc có hiện tượng nước đục và kéo theo bùn cát thoát ra ngoài.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa , kỳ họp ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; HTVBĐH.

(để báo cáo)

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu